| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN B, TỈNH SƠN LA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 16/2017/QĐST-HNGĐ | *B, ngày 06 tháng 9 năm 2017* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 20/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017, giữa: Chị Mùi Thị K và anh Lê Xuân T, đều trú tại: TK 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La;

Căn cứ vào Điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2017.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Mùi Thị K và anh Lê Xuân T.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về con chung:* Giao cháu Lê Xuân K, sinh ngày 28/01/2008 cho anh Lê Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Lê Lam T, sinh ngày 11/10/2012 cho chị Mùi Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh, chị được quyền đi lại thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

*Về tài sản chung:* Chị Mùi Thị K và anh Lê Xuân T có 01 ngôi nhà xây cấp IV diện tích 80m$^2$ trị giá 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), ngôi nhà nằm trên mảnh đất mượn của bà Phạm Thị T, trú tại: TK 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC335540. Chị Mùi Thị K và anh Lê Xuân T thỏa thuận anh Lê Xuân T được sở hữu ngôi nhà cấp IV diện tích 80m$^2$ trên và có trách nhiệm thanh toán ½ giá trị ngôi nhà cho chị Mùi Thị K tương ứng với số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Còn về phần đất chị Mùi Thị K, anh Lê Xuân T và bà Phạm Thị T thỏa thuận không tranh chấp.

*Về vay nợ chung*: Chị Mùi Thị K và anh Lê Xuân T có vay nợ của Ngân hàng BĐLV Sơn La số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2546/141016/04/180, ngày 14/10/2016. Chị K và anh T thỏa thuận: anh Lê Xuân T có trách nhiệm trả số tiền gốc là 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng) cộng với tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc cho Ngân hàng BĐLV Sơn La, chị Mùi Thị K có trách nhiệm trả số tiền gốc là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) cộng với tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc, được trừ vào số tiền gốc chị K đã trả tại tính đến ngày 25/8/2017 số tiền nợ gốc là 27.770.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) và số tiền lãi là 11.544.424 đồng (Mười một triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm hai bốn đồng), hiện tại chị Mùi Thị K còn phải trả số tiền nợ gốc là 47.230.000 đồng và lãi phát sinh cho Ngân hàng BĐLV Sơn La. Thời hạn thanh toán trả nợ thực hiện theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2546/141016/04/180, ngày 14/10/2016.

*Về án phí:* Chị Mùi Thị K tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản, nợ có tranh chấp là 4.930.000 đồng (Bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) tổng cộng là 5.080.000 đồng (Năm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp là 11.115.000 đồng (Mười một triệu một trăm mười lăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 02911 ngày 26/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La. Chị Mùi Thị K được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 6.035.000 đồng (Sáu triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Anh Lê Xuân T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản, nợ có tranh chấp là 4.375.000 (Bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B**
**THẨM PHÁN**
*(đã ký)*

**Thái Văn Tùng**